

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

MST: 0101809894

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

KỲ BÁO CÁO 01/01/2018 – 30/09/2018

Hà nội, tháng 11 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ : Lô CN1, Cụm Công Nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

MST: 0101809894

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2018 Đến ngày 30/09/2018

Chỉ tiêu	Quý 03 năm 2018		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	143 295 751 778	106 349 898 655	143 295 751 778	106 349 898 655
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	790 019 787	310 388 569	790 019 787	310 388 569
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	142 505 731 991	106 039 510 086	142 505 731 991	106 039 510 086
4. Giá vốn hàng bán	126 283 896 175	92 303 376 252	126 283 896 175	92 303 376 252
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16 221 835 816	13 736 133 834	16 221 835 816	13 736 133 834
6. Doanh thu hoạt động tài chính	422 347 569	93 275 039	422 347 569	93 275 039
7. Chi phí tài chính	419 052 133	308 370	419 052 133	308 370
.- Trong đó: Lãi vay phải trả	362 251 129		362 251 129	
8. Chi phí bán hàng	3 840 985 423	4 119 873 602	3 840 985 423	4 119 873 602
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3 212 692 654	3 035 514 518	3 212 692 654	3 035 514 518
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9 171 453 175	6 673 712 383	9 171 453 175	6 673 712 383
11. Thu nhập khác	2 518 933 230	248 327 234	2 518 933 230	248 327 234
12. Chi phí khác	785 082	29 199 680	785 082	29 199 680
13. Lợi nhuận khác	2 518 148 148	219 127 554	2 518 148 148	219 127 554
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11 689 601 323	6 892 839 937	11 689 601 323	6 892 839 937
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2 371 571 312	1 385 511 052	2 371 571 312	1 385 511 052
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	9 318 030 011	5 507 328 885	9 318 030 011	5 507 328 885

Ngày 31 Tháng 10 Năm 2018

Người lập biểu

Nguyễn Bá Thị Hợp

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thị Hợp

Giám đốc

Hoàng Mạnh Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ : Lô CN1, Cụm Công Nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

MST: 0101809894

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Từ ngày 01/01/2018 Đến ngày 30/09/2018

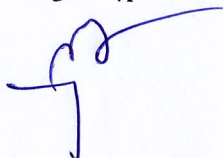
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A-Tài sản ngắn hạn	100		71 071 575 395	80 171 597 470
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1 533 789 156	1 687 069 644
1. Tiền	111	V1	1 533 789 156	1 687 069 644
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V2b		
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44 010 942 857	58 846 059 920
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V3	40 916 367 570	55 212 012 395
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2 811 835 095	2 770 038 173
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V4	1 465 439 147	1 936 009 352
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1 182 698 955)	(1 072 000 000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V5		
IV- Hàng tồn kho	140		25 319 320 613	19 570 539 090
1. Hàng tồn kho	141	V7a	25 605 876 168	20 013 339 090
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(286 555 555)	(442 800 000)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		207 522 769	67 928 816
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V13		67 928 816
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		207 522 769	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V17		
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V14a		
B-Tài sản dài hạn	200		2 988 051 739	2 575 241 070
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II- Tài sản cố định	220		2 332 473 646	2 069 020 074
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V9	2 244 391 365	1 958 765 390
- Nguyên giá	222		6 616 029 630	5 763 378 803

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4 371 638 265)	(3 804 613 413)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V11		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V10	88 082 281	110 254 684
- Nguyên giá	228		159 181 000	159 181 000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(71 098 719)	(48 926 316)
III- Bất động sản đầu tư	230	V12		
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V8a		
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V8b		
V-Đầu tư tài chính dài hạn	250	V2c		
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên danh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI- Tài sản dài hạn khác	260		655 578 093	506 220 996
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V13	655 578 093	506 220 996
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268	V14b		
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		74 059 627 134	82 746 838 540
C-Nợ phải trả	300		14 418 857 397	52 424 098 814
I- Nợ ngắn hạn	310		14 418 857 397	52 424 098 814
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V16a	11 164 265 155	36 597 009 505
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		398 792 398	569 846
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V17	1 228 044 161	1 610 146 927
4. Phải trả người lao động	314		1 081 153 196	1 522 429 681
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V18a		20 378 123
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V20a		
9. Các khoản phải trả ngắn hạn	319	V19a	372 344 046	317 633 820
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V15	162 708 870	12 278 096 341
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V23a		
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11 549 571	77 834 571
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II- Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V18b		

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V20b		
7. Phải trả dài hạn khác	337	V19b		
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V21		
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V24		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V23b		
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D-Vốn chủ sở hữu	400		59 640 769 737	30 322 739 726
I- Vốn chủ sở hữu	410	V25	59 640 769 737	30 322 739 726
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50 000 000 000	20 000 000 000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		123 932 857	923 932 857
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9 516 836 880	9 398 806 869
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3 206 562 291	120 898 691
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6 310 274 589	9 277 908 178
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II - Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431	V28		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		74 059 627 134	82 746 838 540

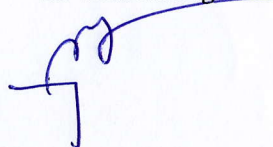
Ngày 31 Tháng 10 Năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Bá Thị Hợp

Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Thị Hợp

Giám đốc



Hoàng Mạnh Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ : Lô CN1, Cụm Công Nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

MST: 0101809894

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ ngày 01/01/2018 Đến ngày 30/09/2018

Chi tiêu	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	161 235 415 115	53 827 723 266
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(149 972 305 450)	(39 392 102 294)
3. Tiền chi trả cho người lao động	(5 936 360 947)	(5 306 489 277)
4. Tiền chi trả lãi vay	(382 629 252)	
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(2 409 380 933)	(1 656 158 237)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	2 824 014 938	1 136 113 931
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(7 102 391 205)	(7 621 024 972)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(1 743 637 734)	988 062 417
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	32 171 000	45 550 310
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(4 000 000 000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		6 000 000 000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	19 814 943	90 990 432
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	51 985 943	2 136 540 742
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	20 000 000 000	
2. Tiền chi trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp		
3. Tiền thu từ đi vay		
4. Tiền trả nợ gốc vay	(18 461 628 697)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	1 538 371 303	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	(153 280 488)	3 124 603 159
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	1 687 069 644	1 028 179 713
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	1 533 789 156	4 152 782 872

Ngày 31 Tháng 10 Năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Bá Thị Hợp

Nguyễn Bá Thị Hợp

Hoàng Mạnh Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh các thiết bị năng lượng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính Công ty có 67 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 78 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/09/2018.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 6

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là “Chương trình phần mềm máy tính”. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. Vốn chủ sở hữu

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	174.042.300	258.585.611
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.359.746.856	1.428.484.033
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)		

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Cộng	1.533.789.156		1.687.069.644	
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	38.192.772.994		51.707.114.514	
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	688.128.803		29.252.018	
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	4.725.029.668		5.716.008.593	
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	657.841.559		1.490.210.920	
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam			1.182.478	
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An	2.214.900.768		4.953.119.902	
Công ty Cổ phần Toàn Thắng	4.799.786.877		5.211.405.993	
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh			2.902.717.856	
Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh và Phát triển dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	25.107.085.319		31.398.948.561	
Công ty TNHH Một thành viên Logistics Sơn Hà			2.295.400	
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị nhà bếp Sơn Hà			1.972.793	
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	2.723.594.576		3.504.897.881	
Cộng	40.916.367.570		55.212.012.395	
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn				
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	2.811.835.095		2.770.038.173	
GUANGZHOU GLORYMAN IPORT & EXPORT CO..LTD			191.325.120	
HAINING FU JIANG IMP&EXP CO..LTD	1.287.046.912		2.022.244.498	
HAINING BAOGUANG SOLAR ENERGY INDUSTRIAL CO.. LTD	944.521.920		521.714.554	
Các nhà cung cấp khác	580.266.263		34.754.001	
Cộng	2.811.835.095		2.770.038.173	
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn				
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	0		0	
Cộng	0		0	
5. Phải thu ngắn hạn khác				
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	153.788.375		465.763.375	
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	130.242.125		442.217.125	
Ông Lê Vĩnh Sơn	23.546.250		23.546.250	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.311.650.772	(1.072.000.000)	1.470.245.977	(1.072.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ông Kiều Thanh Phong	536.000.000	(536.000.000)	536.000.000	(536.000.000)
Ông Nguyễn Văn Thảo	536.000.000	(536.000.000)	536.000.000	(536.000.000)
Tạm ứng	77.500.000		195.570.000	
Cầm cổ, thế chấp	10.282.500		10.282.500	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	151.868.272		192.393.477	
Cộng	1.465.439.147	(1.072.000.000)	1.936.009.352	(1.072.000.000)

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Giá trị có thể thu hồi
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc	
Ông Hoàng trọng Thủy	Trên 12 tháng	211.397.909	Trên 12 tháng	231.397.909	
Ông Kiều Thanh Phong	Trên 3 năm	536.000.000	Trên 3 năm	536.000.000	
Ông Nguyễn Văn Thảo	Trên 3 năm	536.000.000	Trên 3 năm	536.000.000	
Cộng		1.283.397.909		1.303.397.909	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.072.000.000	
Trích lập dự phòng bổ sung	110.698.954	1.072.000.000
Số cuối kỳ	1.182.698.954	1.072.000.000

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17.816.633.053	(286.555.555)	13.510.324.102	(315.978.806)
Công cụ, dụng cụ	237.625.685		123.176.772	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	471.642.869		30.859.540	
Thành phẩm	5.660.265.405		4.050.060.659	(126.821.194)
Hàng hóa	1.419.709.156		2.298.918.017	
Cộng	25.605.876.168	(286.555.555)	20.013.339.090	(442.800.000)

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Là chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí khác còn phải phân bổ.

	Số kỳ này	Số đầu năm
Số dư đầu kỳ	67.928.816	111.997.651
Tăng trong năm	314.193.421	1.144.225.815
Phân loại lại từ TSCĐ hữu hình		
Phân bổ trong kỳ	382.122.237	1.188.294.650
Số dư cuối kỳ	0	67.928.816

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

Là chi phí công cụ, dụng cụ còn phải phân bổ.

	Số kỳ này	Số đầu năm
Số dư đầu kỳ	506.220.996	158.126.571
Tăng trong năm	203.406.013	365.811.306
Phân loại lại từ TSCĐ hữu hình	47.666.693	
Phân bổ trong kỳ	101.715.609	17.716.881
Số dư cuối kỳ	655.578.093	506.220.996

9. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	5.279.104.928	448.183.875	36.090.000	5.763.378.803
Mua trong năm/kỳ	932.319.034			932.319.034
Đầu tư XD CB hoàn thành				
Tăng khác				
Chuyển sang bất động sản đầu tư				
Thanh lý, nhượng bán				
Giảm khác	-79.668.207			-79.668.207
Số cuối năm/kỳ	6.131.755.755	448.183.875	36.090.000	6.616.029.630
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				
Chờ thanh lý				
Giá trị hao mòn				
Số đầu kỳ	3.339.888.288	448.183.875	16.541.250	3.804.613.413
Khấu hao trong năm/kỳ	558.881.310		13.533.750	572.415.060
Tăng khác				
Chuyển sang bất động sản đầu tư				
Thanh lý, nhượng bán				
Giảm khác	-5.390.208			-5.390.208
Số cuối năm/kỳ	3.893.379.390	448.183.875	30.075.000	4.371.638.265
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	1.939.216.640		19.548.750	1.958.765.390
Số cuối năm/kỳ	2.238.376.365		6.015.000	2.244.391.365

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

Là chương trình phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu kỳ	159.181.000	48.926.316	110.254.684
Tăng trong kỳ		22.172.403	
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	159.181.000	71.098.719	88.082.281

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	7.438.378.621	28.249.454.913
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	5 849 989 181	12 841 628 929
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	704 255 504	519 062 226
Công ty TNHH Một Thành Viên Logistics Sơn Hà	818 381 472	541 132 034
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD)		
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	22 054 139	14 246 409 724
Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	773 850	
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	42 924 475	46 310 000
Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà		54 912 000
Phải trả các nhà cung cấp khác	3.725.886.534	8.347.554.592
Các nhà cung cấp khác	3.725.886.534	8.347.554.592
Tổng cộng	11.164.265.155	36.597.009.505

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm/kỳ	Số phát sinh trong năm/kỳ	Số phát sinh trong năm/kỳ	Số cuối năm/kỳ
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	350.821.226	3.128.426.529	3.479.247.755	0
Thuế GTGT hàng nhập khẩu				
Thuế tiêu thụ đặc biệt				
Thuế xuất, nhập khẩu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.218.378.043	2.371.571.312	2.409.380.933	1.180.568.422
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản				
Thuế thu nhập cá nhân	40.947.658	132.971.898	126.443.816	47.475.740
Thuế tài nguyên				
Thuế nhà đất				
Tiền thuê đất				
Thuế bảo vệ môi trường				
Các loại thuế khác				
Phí, lệ phí và các khoản phải				

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nộp khác

Cộng1.610.146.9275.632.969.7396.015.072.5041.228.044.162***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.689.601.323	6.892.839.937
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	168.255.240	34.715.323
- Các khoản điều chỉnh giảm	168.255.240	34.715.323
Thu nhập tính thuế	11.857.856.563	6.927.555.260
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<u>2.371.571.313</u>	<u>1.385.511.052</u>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>2.371.571.313</u>	<u>1.385.511.052</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí lãi vay phải trả.

14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	108.527.850	73.205.220
BHXX	900	
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	<u>263.815.296</u>	<u>244.428.600</u>
Cộng	<u>372.344.046</u>	<u>317.633.820</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuê tài chính****15a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	162.708.870	12.278.096.341
Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾		11.607.643.426
Vay dài hạn đến hạn trả ⁽ⁱⁱ⁾	162.708.870	670.452.915
Cộng	162.708.870	12.278.096.341

⁽ⁱ⁾ Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/4916331/HĐTD ngày 01 tháng 8 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C. Hạn mức tín dụng thường xuyên được cấp với số tiền tối đa là 20.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức là từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 7 năm 2018. Thời hạn của các khoản vay là 06 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/2017/4916331/HĐTD ngày 21 tháng 09 năm 2017 để đầu tư mua sắm phương tiện vận tải, máy móc thiết bị cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Ngân hàng cho công ty vay với tổng số tiền tối đa là 5.938.000.000đ nhưng không vượt quá 75% tổng mức đầu tư thực tế của dự án. Khoản vay có thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2017/4916331/HĐBĐ ngày 26/09/2017.

15b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Vay dài hạn ngân hàng BIDV Thanh Xuân	162.708.870	670.452.915
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 15a ⁽ⁱⁱ⁾)	(162.708.870)	(670.452.915)
Cộng	-	-

Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Số kỳ này	Số kỳ trước
Số đầu năm	77.834.571	-12.952.000
Tăng do trích lập từ lợi nhuận		
Tăng khác	10.078.200	200.266.571
Chi quỹ	-76.363.200	-109.480.000
Số cuối năm/kỳ	11.549.571	77.834.571

17. Vốn chủ sở hữu

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	20,000,000,000		5,229,618,117	25,229,618,117
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do thay đổi đơn vị tiền tệ kế toán				
Tăng vốn từ lợi nhuận			9,277,908,180	9,277,908,180
Trích lập các quỹ		923,932,857	-1,108,719,428	-184,786,571
Chia cổ tức, lợi nhuận			-4,000,000,000	-4,000,000,000
Số dư cuối năm trước	20,000,000,000	923,932,857	9,398,806,869	30,322,739,726
Số dư đầu năm nay	20,000,000,000	923,932,857	9,398,806,869	30,322,739,726
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do thay đổi đơn vị tiền tệ kế toán				
Phát hành cổ phiếu từ quỹ đầu tư phát triển	800,000,000	-800,000,000		
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	9,200,000,000		-9,200,000,000	
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	20,000,000,000			20,000,000,000
Lợi nhuận trong kỳ			9,318,030,011	9,318,030,011
Số dư cuối năm nay/kỳ này	50,000,000,000	123,932,857	9,516,836,880	59,640,769,737

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	25.795.000.000	10.318.000.000
Ông Lê Văn Tấn	11.705.000.000	5.682.000.000
Ông Hoàng Mạnh Tân	4.500.000.000	4.000.000.000
Ông Đàm Quang Hùng	2.500.000.000	
Cổ đông khác	5.500.000.000	
Cộng	50.000.000.000	20.000.000.000

17c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	2.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17d. Phân phối lợi nhuận

Ngày 3 tháng 4 năm 2018. Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt Nghị quyết số 01/2018/NQ - ĐHĐCĐ về phương án chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 46% vốn điều lệ xác định tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu phổ thông được nhận 46 cổ phiếu phát hành thêm) và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ Quỹ đầu tư. phát triển thuộc nguồn vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ 25:1.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Ngoại tệ các loại

	30/09/2018		01/01/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VNĐ	Nguyên tệ	Tương đương VNĐ
USD	710	16.237.700		
CNY	1.070	3.589.850	5.370	18.016.350
WON	569.000	11.550.700	569.000	11.550.700
Cộng		31.378.250		29.567.050

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Số kỳ này	Số kỳ trước
Doanh thu bán hàng hóa	32 923 569 168	13 780 884 592
Doanh thu bán thành phẩm	110 265 991 471	92 483 527 867
Doanh thu khác	106 191 139	85 486 196
Cộng	143 295 751 778	106 349 898 655

1b. Chi tiết doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Khách hàng	Số kỳ này	Số kỳ trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan	129.742.724.612	102.700.653.714
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	244.045.856	35.684.703.011
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	29.056.748.214	26.061.481.640
Công ty Cổ Phần Toàn Thắng	8.053.832.555	7.291.496.220
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD)	3.519.134.107	14.151.273
Công ty TNHH Một thành viên Quốc Tế Sơn Hà - Chu Lai	5.486.228.021	2.944.753.780
Công ty TNHH một thành viên Sơn Hà Nghệ An	10.329.572.569	10.735.436.913
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	67.150.471.664	14.264.696.248
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	5.829.874.546	5.418.097.762
Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà	37.599.350	3.263.467
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	35.217.730	282.573.400
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khách hàng khác	13.553.027.166	3.649.244.941
Tổng cộng	143.295.751.778	106.349.898.655

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số kỳ trước</u>
Chiết khấu thương mại		
Hàng bán bị trả lại	790 019 787	310 388 569
Giảm giá hàng bán		
Cộng	<u>790 019 787</u>	<u>310 388 569</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số kỳ trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	30 356 166 586	273 967 111
Giá vốn của thành phẩm đã bán	95 906 700 685	91 814 974 785
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	21 028 904	214 434 356
Cộng	<u>126 283 896 175</u>	<u>92 303 376 252</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn		
Lãi tiền gửi không kỳ hạn		
	422 347 569	93 275 039
Lãi tiền cho vay		
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh		
Lãi bán hàng trả chậm		
Chiết khấu thanh toán		
Cộng	<u>422 347 569</u>	<u>93 275 039</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	362 251 129	
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	56 801 004	308 370
Lãi trả chậm		
Cộng	<u>419 052 133</u>	<u>308 370</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên	932 161 388	985 977 843
Chi phí khấu hao	13 638 000	121 181 886
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2 268 470 797	2 107 196 804
Chi phí khác	626 715 238	905 517 069
Tổng	<u>3 840 985 423</u>	<u>4 119 873 602</u>

7. Chi phí quản lý

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1 848 049 790	2 170 894 237

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí khấu hao tài sản cố định	22 068 153	20 564 403
Chi phí đồ dùng văn phòng	17 565 591	10 690 000
Thuế, phí và lệ phí	3 000 000	3 000 000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	421 501 038	131 750 959
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	110 698 955	
Chi phí khác	789 809 127	698 614 919
Tổng	3 212 692 654	3 035 514 518

8. Thu nhập khác

	Số kỳ này	Số kỳ trước
Thu từ tiền ông Lê Văn Tấn bồi thường	2 139 096 540	
Thu nhập khác	379 836 690	248 327 234
Tổng	2 518 933 230	248 327 234

Khoản thu tiền bồi thường ông Lê Văn Tấn theo biên bản số 01/2018/BB-SHE.

9. Chi phí khác

	Số kỳ này	Số kỳ trước
Chi phí khác	785 082	29 199 680
Tổng	785 082	29 199 680

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Số kỳ này	Số kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9 318 030 011	5 507 328 885
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm		
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Năm nay

Năm trước

Chia cổ tức

Bảo hiểm xã hội nộp hộ

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 919.719.696 VND (năm trước là 1.207.780.776 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Công ty mẹ (SHI)
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà	Công ty con của SHI
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty con của SHI
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Công ty con của SHI
Công ty Cổ phần Toàn Thắng	Phó Giám đốc của Công ty là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Toàn Thắng

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số kỳ trước</u>
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (SHI)		
Nhập mua hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ	28.556.305.210	53.734.577.405
Chia cổ tức cho SHI		2.063.600.000
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP (SSP)		
Nhập mua hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ	4.625.186.443	11.848.964.442
Công ty TNHH Một thành viên Logistics Sơn Hà (Logistics)		
Nhập mua hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ	2.144.560.850	1.106.871.166

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ	
Công ty Cổ phần Toàn Thắng (Toàn Thắng)		
Nhập mua hàng hóa. thành phẩm. dịch vụ	46.200.000	
Lãi chậm thanh toán phải trả Toàn Thắng	227.322.529	179.653.389
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc		
Nhập mua hàng hóa. thành phẩm. dịch vụ	469.619.045	
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh		
Nhập mua hàng hóa. thành phẩm. dịch vụ	43.759.791.798	8.211.161.967
Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà		
Mua nguyên vật liệu của Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	284.043.600	
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà		
Nhập mua hàng hóa. thành phẩm. dịch vụ	22.718.875	

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 31 tháng 10 năm 2018

Người lập biểu

Nguyễn Bá Thị Hợp

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thị Hợp

Giám đốc

Hoàng Mạnh Tân